

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 7 - 2026

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1034/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2026 giữa:

* Nguyên đơn: bà **Đặng Thị Thu T** - Sinh năm 1976 - Số CCCD: 048176004928, ngày cấp 26/5/2023 - Địa chỉ: P Khu A, chung cư N cầu C, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

* Bị đơn: ông **Đỗ Văn K** - Sinh năm 1970 - Số CCCD: 079070035230, ngày cấp 05/8/2021 - Địa chỉ: Số F đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn K kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C (cũ), nay thuộc phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2022 ngày 09/3/2022). Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T là do cả hai không hợp về tính tình và quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể sống chung nhà nên từ giữa năm 2022 ông bà đã tự động sống riêng mỗi người một nơi. Nay bà Đặng Thị Thu T xác

định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đỗ Văn K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Thu T xác định bà và ông Đỗ Văn K không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Bị đơn là ông Đỗ Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến đề ngày 23/4/2026 gửi Tòa án, ông Đỗ Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn bà Đặng Thị Thu T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông Đỗ Văn K xác định ông và bà Đặng Thị Thu T không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Đặng Thị Thu T và ông Đỗ Văn K đã trầm trọng, kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn cùng xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu T1 khởi kiện ly hôn đối với bị đơn là ông Đỗ Văn K có địa chỉ cư trú tại tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu T1 và ông Đỗ Văn K tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy hôn nhân của ông bà hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Đỗ Văn K; xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc và sống chung với nhau; tuy nhiên theo bà T1 trình bày thì bà và ông K đã tự động sống ly thân, không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống từ giữa năm 2022 đến nay; lời trình bày này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Mặt khác, ông K cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T1. Do vậy cần căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu T1.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: bà Đỗ Thị Thu T1 và ông Đỗ Văn K cùng xác định ông bà không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến các nội dung này.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị Thu T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Đỗ Thị Thu T1 đối với ông Đỗ Văn K.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Đỗ Thị Thu T1 ly hôn với ông Đỗ Văn K
2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: bà Đỗ Thị Thu T1 và ông Đỗ Văn K xác định ông bà không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.
3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) buộc bà Đỗ Thị Thu T1 phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng bà T1 đã

nộp theo biên lai thu số 0001695 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự
- UBND phường An Khê
- Lưu hồ sơ vụ án



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thái

